

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HS - ST
Ngày 24-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thịnh Quang Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Yêm

Ông Nguyễn Duy May

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên

Ngày 24-3-2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2023/TLST - HS ngày 07 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngô Văn T**, sinh ngày 27/9/1993 tại: huyện M, Hà Nội; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 3, thị trấn Q, huyện M, Hà Nội; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Ngô Văn H và con bà: Hà Thị L; Tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/09/2010, đưa vào cơ sở giáo dục theo Quyết định số 6139 của Ủy ban nhân dân huyện M, Hà Nội; Ngày 19/01/2012, đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 456 của Ủy ban nhân dân huyện M, Hà Nội. Ngày 06/02/2015, Công an thị trấn Q, huyện M, Hà Nội xử phạt về hành vi sử dụng trái phép vũ khí thô sơ, mức phạt 2.000.000 đồng (đã nộp phạt). Tiền án: Ngày 06/11/2015, TAND huyện M, TP Hà Nội tuyên phạt 42 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ra trại ngày 03/8/2018 (án tích chưa được xóa); Ngày 10/10/2019, TAND huyện M, TP Hà Nội tuyên phạt 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ra trại ngày 19/01/2021 (án tích chưa được xóa). Tạm giữ từ ngày 12/12/2022 đến ngày 15/12/2022; Tạm giam từ ngày 15/12/2022 đến nay; Danh chỉ bản số 799 ngày 12/12/2022 do Công an huyện Đông Anh, Hà Nội lập. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại: chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm: 1991. HKTT: Tổ 3, Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, Hà Nội. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trần Văn T1, sinh năm 1992; HKTT: Xóm 8, thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt

3.2. Anh Đỗ Văn T2, sinh năm: 1991; HKTT: thôn T, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/3/2022, chị Nguyễn Thị Cẩm G (sinh năm: 1991, HKTT: Tổ 3, Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang) mua xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS: 68D1-772.90 với giá 43.000.000 đồng, chị G trả trước số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại chị G trả góp trong 24 tháng, mỗi tháng trả 1.759.000 đồng. Ngày 24/4/2022 chị G gửi xe máy tại bến xe nước ngầm rồi bắt xe khách về Nghệ An. Ngày 26/4/2022, chị G bắt taxi ra bến xe nước ngầm lấy xe. Do không đủ tiền trả tiền taxi, chị G để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS: 68D1-772.90 cho một người đàn ông không rõ tên tuổi lấy 4.000.000 đồng trả tiền taxi, hẹn ngày hôm sau đến trả tiền trên và lấy lại chiếc xe máy.

Ngày 27/4/2022, chị G sử dụng tài khoản facebook “Hải Giang” nhắn tin với tài khoản “Tuấn Ngô Art” của Ngô Văn T để vay tiền lấy chiếc xe máy đã cầm trước đó rồi nhờ T bán xe máy trên, T đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Exiter, BKS: 29E2-215.95 đón chị G tại khu vực Sân bay Nội Bài rồi đến quán karaoke tại xóm Chùa, thôn Đ, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội gặp anh Nguyễn Văn P (SN: 2002; HKTT: xã L, huyện Y, Phú Thọ - là nhân viên quan karaoke) để đặt lại chiếc xe máy của T và vay 1.500.000 đồng. Anh P đồng ý. Sau đó, T gọi taxi cùng chị G đến bến xe Nước Ngầm và đưa cho chị G 1.500.000 đồng để trả người đàn ông đã nhận cầm cố chiếc xe máy trước đó. Sau khi lấy được xe, chị G và T tiếp tục về quán karaoke gặp anh Cao Văn T (sinh năm 1986; HKTT: thôn N, xã N, huyện Đ, Hà Nội, là chủ quán) và anh P. Tại đây, T đặt vấn đề “cầm” chiếc xe máy BKS: 68D1-772.90 của chị G và lấy chiếc xe máy của mình ra và vay thêm số tiền 1.500.000 đồng, hẹn đến sáng ngày 28/4/2022 sẽ tìm người bán chiếc xe giúp chị G. Anh T1 hỏi nguồn gốc chiếc xe, chị G cho xem giấy tờ mua trả góp. Anh T1 đồng ý và anh P chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản của chị G.

Sau đó, Ngô Văn T sử dụng nick Facebook “Tuấn Ngô Art” đăng bán xe máy Vision lên mạng xã hội. Khoảng 5 giờ 30 phút ngày 28/4/2022, anh Trần Văn T1 (SN: 1992; HKTT: Xóm 8, thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hoá) sử dụng tài khoản “Trần Tình” nhắn tin với tài khoản của T để thỏa thuận mua chiếc xe máy với giá 14.000.000 đồng và hẹn gặp tại cây xăng Nam Hồng thuộc xã N, huyện Đ. Sau đó, anh T1 rủ anh Nguyễn Quang H (SN: 1994; HKTT: Tổ Dân phố P, phường B, quận H, thành phố Hà Nội) đến gặp T. Sau khi gặp nhau, T đưa anh T1 và anh Huy đến quán karaoke của anh T1 rồi T

gọi điện thoại cho anh P mở cửa cho T lấy chiếc xe máy của chị G và trả tiền. Khoảng 10 phút sau, anh Nguyễn Văn Hảo (SN: 2002; HKTT: xã Hoa Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc – là nhân viên của quán karaoke) mở cửa để T lấy xe. T bảo anh T1 trả giúp số tiền 3.300.000 đồng để lấy xe, anh T1 đồng ý và chuyển khoản 3.300.000 đồng cho anh Hảo. Sau đó, T cùng anh T1 và anh Huy điều khiển xe máy đến quán nước ven đường Võ Văn Kiệt. Lúc này anh T1 hỏi về giấy tờ xe, T cho biết chiếc xe của chị G mua trả góp và gọi điện cho chị G gửi giấy tờ mua trả góp, căn cước công dân, chị G đồng ý rồi chụp ảnh gửi cho T. Sau đó T cho anh T1 xem hình ảnh giấy tờ mua trả góp cùng căn cước công dân của chủ xe. Anh T1 kiểm tra số khung số máy của chiếc xe thấy trùng khớp với ảnh chụp giấy tờ nên chuyển trả 8.700.000 đồng vào tài khoản của T. Anh T1 nợ 2.000.000 đồng, bảo với T khi nào có giấy tờ xe thì sẽ trả nốt, T đồng ý. Sau đó anh T1 và anh Huy điều khiển xe về nhà, anh T1 bán chiếc xe máy trên cho anh Đỗ Văn T2 (SN: 1991; HKTT: thôn T, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội) với giá 13.900.000 đồng.

Sau khi T bán xe, chị G có nhắn tin cho T hỏi về chiếc xe thì T nói “có hai người xem xe và đi thử đi mất rồi”. Sau đó chị G liên lạc với T nhưng T không nghe máy, bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 08/5/2022 chị Nguyễn Thị Cẩm G đến Cơ quan Công an trình báo sự việc trên.

Vật chứng tạm giữ của Trần Văn T1: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 68D1 – 772.90, số khung: RLHJK0318NZ311312, số máy: JK03E6114148.

Ngày 07/9/2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 68D1 – 772.90 gửi giám định hiện tại có số khung: RLHJK0318NZ311312 và số máy: JK03E6114148 là số nguyên thủy.

Ngày 31/5/2022, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Anh kết luận: 01 xe máy Honda Vision, màu đỏ, BKS: 68D1-772.90 trị giá 42.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với Ngô Văn T nhưng T vắng mặt tại nơi cư trú, không xác định được T đang ở đâu nên ngày 13/11/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã bị can, quyết định Tạm đình chỉ điều tra vụ án và Tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Ngô Văn T. Ngày 12/12/2022, Ngô Văn T đã bị bắt theo quyết định truy nã nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đông Anh đã phục hồi điều tra vụ án hình sự và phục hồi điều tra bị can.

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Văn T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Đối với Trần Văn T1 và Đỗ Văn T2 mua chiếc xe máy BKS 68D1 – 772.90 không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra – Công an huyện Đông Anh không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn P nhận đặt chiếc xe máy và cho T vay 3.000.000 đồng, T tự nguyện đặt chiếc xe máy ở lại và sau khi đến lấy xe máy T tự trả thêm số tiền 300.000 đồng cho anh P nên anh P không có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra - Công an huyện Đông Anh không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vison, BKS: 68D1-772.90, số khung: RLHJK0318NZ311312; số máy: JK03E6114148 xác định chủ xe là chị Nguyễn Thị Cẩm G, không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 09/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đông Anh quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe trên cho chị G.

Phần dân sự: Chị G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Ngô Văn T bồi thường. Chị G đã tự nguyện bàn giao xe cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay nên Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON không có yêu cầu gì về dân sự.

Anh Trần Văn T1 yêu cầu Ngô Văn T bồi thường số tiền 14.000.000 đồng mà anh T1 đã mua xe của T.

Anh Đỗ Văn T2 yêu cầu anh Trần Văn T1 bồi thường số tiền 13.900.000 đồng mà anh Tiến đã mua chiếc xe máy của anh T1.

Ngô Văn T yêu cầu chị Nguyễn Thị Cẩm G trả T số tiền 3.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 29/CT -VKSDA ngày 03/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đề nghị truy tố Ngô Văn T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng:

* Điểm g khoản 2 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Ngô Văn T 30 tháng 36 tháng tù.

- Không áp dụng bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Buộc bị cáo phải trả lại số tiền 12.000.000 đồng cho anh Trần Văn T1. Buộc anh Trần Văn T1 phải trả lại 13.900.000 đồng cho anh Đỗ Văn T2. Buộc chị G phải trả cho bị cáo 3.000.000đ.

* Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

* Anh T1 trình bày đã chuyển khoản tiền mua xe làm hai lần một lần 3.300.000đ để chuộc xe và một lần anh chuyển số tiền 8.700.000đ cho bị cáo. Tổng cộng là 12.000.000đ. Anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường anh số tiền trên. Anh xác định anh nhận tiền bán xe của anh Đỗ Văn T2 là 13.900.000đ.

* Anh Tiến trình bày: Anh xác định anh trả cho anh T1 13.900.000đ để mua chiếc xe máy BKS: 68D1-772.90. Nay anh yêu cầu anh T1 phải trả lại cho anh số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng, đủ quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng người bị hại vắng mặt. Việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người bị hại và dành quyền kháng cáo bản án cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 27/4/2022, chị G sử dụng tài khoản facebook “Hải Giang” nhắn tin với tài khoản “T Ngô Art” của Ngô Văn T để vay tiền chuộc chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 68D1-772.90 đã cầm trước đó rồi nhờ T bán xe máy trên, T đồng ý. T đã chuyển cho chị G 3.000.000 đồng. Ngày 28/4/2022, Ngô Văn T đã bán hộ chị Nguyễn Thị Cẩm G chiếc xe máy trên cho anh Trần Văn T1 với giá 14.000.000 đồng nhưng thực tế anh T1 mới trả cho T 12.000.000đ (trong đó một lần là 3.300.000đ để chuộc xe của chị G và một lần Tỉnh chuyển khoản cho T nhận là 8.700.000đ) nhưng T không trả chị G số tiền 8.700.000đ. T đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên và bỏ trốn không trả cho chị G. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Ngô Văn T đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 8.700.000đ của chị G. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản nhưng chưa được xóa án tích. Do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại Điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố các bị cáo là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) *Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...

g. *Tái phạm nguy hiểm.*

...

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

3.1. Về tình tiết tăng nặng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Bị cáo Ngô Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ngô Văn T thành khẩn khai báo về hành vi của mình gây ra nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm s khoản 1 Điều Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; căn cứ nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Ngô Văn T nhân thân có nhiều tiền sự, bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do lòng tham bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo Khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định: “5. *Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*” Bị cáo Ngô Văn T không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự:

- Chị G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Ngô Văn T bồi thường. Chị G đã tự nguyện bàn giao xe cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay nên Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAISON không có yêu cầu gì về dân sự.

- Anh Trần Văn T1 yêu cầu Ngô Văn T bồi thường số tiền 12.000.000 đồng mà anh T1 đã mua xe của T.

- Anh Đỗ Văn T2 yêu cầu anh Trần Văn T1 bồi thường số tiền 13.900.000 đồng mà anh Tiến đã mua chiếc xe máy của anh T1.

Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Anh T1 đã trả hai lần 1 lần là 3.300.000đ để lấy xe đã cầm từ anh P và lần 2 anh T1 chuyển khoản cho bị cáo 8.700.000đ. Như vậy bị cáo đã nhận của anh T1 số tiền 8.700.000đ. Buộc bị cáo phải trả anh T1 số tiền 8.700.000đ. Đối với số tiền 3.300.000đ là tiền chuộc xe, xe máy đã được thu hồi trả cho chị G. Do đó phải buộc chị G trả cho anh T1 số tiền 3.300.000đ. Đối với giao dịch giữa anh T1 và anh Tiến là

vô hiệu. Anh T1 đã nhận của anh Tiến 13.900.000đ nên buộc anh T1 phải trả lại anh Tiến số tiền 13.900.000đ.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vison, BKS: 68D1-772.90, số khung: RLHJK0318NZ311312; số máy: JK03E6114148 xác định chủ xe là chị Nguyễn Thị Cẩm G, không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 09/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đông Anh quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe trên cho chị G.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Ngô Văn T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào:

- Điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự.
- Điều 122, 123 và 131 Bộ luật dân sự.
- Điều 136; Điều 331; Điều 333; Điều 336; Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử Phạt: Ngô Văn T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về phần dân sự:

3.1. Buộc bị cáo phải trả cho anh Trần Văn T1 số tiền 8.700.000đ (Tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

3.2. Buộc anh T1 phải trả lại anh Đỗ Văn T2 số tiền 13.900.000đ (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng).

3.3. Buộc chị G phải trả cho anh T1 số tiền 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 **Bộ luật dân sự**.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 **Luật thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 435.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm; Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Cơ quan THA huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu./.

Thịnh Quang Thắng